



CẬP NHẬT QUÝ

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS: HNX)

Giá mục tiêu: 35.000 Đồng

Khuyến nghị: TRUNG LẬP

Tăng giá: 8,4%

Ngày 22/12/2025



Duy trì đà tăng trưởng

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu PVS, với mức giá mục tiêu 12 tháng không đổi là **35.000 đồng/cổ phiếu**, đồng thời tiếp tục khuyến nghị NĐT tích lũy khi giá điều chỉnh, đặc biệt quanh mức tiền mặt ròng trên mỗi cổ phiếu là 27.200 đồng, tạo nền tảng định giá vững chắc.

Tại mức giá hiện tại, PVS đang giao dịch với P/E dự phóng 2025-2026 lần lượt là 14,3x và 13,1x, nằm trong vùng định giá lịch sử bình quân 9x-17x và P/B dự phóng năm 2025-2026 ở mức 1,1x.

Luận điểm đầu tư

- Vị thế dẫn đầu thị trường và năng lực kỹ thuật:** PVS là nhà thầu dầu khí ngoài khơi và xây dựng dầu khí lớn nhất cả nước, với năng lực đã được chứng minh trong các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, triển khai trong điều kiện ngoài khơi phức tạp. Công ty cũng là một trong những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực xây dựng điện gió ngoài khơi và các mảng năng lượng thay thế khác, bao gồm cả dịch vụ liên quan đến hạt nhân.
- Đỉnh tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2025-2026:** Chúng tôi kỳ vọng 2025-2026 sẽ là giai đoạn đỉnh của chu kỳ tăng trưởng lợi nhuận của PVS trong vài năm tới, được thúc đẩy bởi tiến độ triển khai các dự án dầu khí trọng điểm như Lô B và Lạc Đà Vàng. Song song đó, năm 2026 dự kiến sẽ có khung pháp lý rõ ràng hơn cho phát triển điện gió ngoài khơi tại Việt Nam, mở ra cơ hội dự án dài hạn cho PVS.
- Bảng cân đối tài chính mạnh hạn chế rủi ro giảm giá:** Vị thế tiền mặt ròng của PVS ở mức 27.200 đồng/cổ phiếu, tương đương khoảng 83% giá cổ phiếu hiện tại, tạo ra nền tảng vững chắc cho nhà đầu tư dài hạn.

Điểm nhấn HĐKD

Trong Q3/2025, PVS ghi nhận tăng trưởng ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận nhờ thu nhập tài chính mạnh mẽ, bù đắp chi phí trích lập dự phòng cao, phù hợp với ước tính của chúng tôi:

- Doanh thu thuần tăng 100% svck và 31% so với quý trước.
- Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ (NPATMI) tăng 140% svck.

Lũy kế 9T2025, PVS đã hoàn thành 121% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm, tương đương 66% dự báo LNST 2025 của SSI Research ở mức 1,4 nghìn tỷ đồng.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	16.366	19.374	23.770	29.783	31.864
Tăng trưởng	15,3%	18,4%	22,7%	25,3%	7,0%
Biên lợi nhuận gộp	6,2%	5,4%	4,5%	4,7%	4,9%
NPATMI	989	1.026	1.070	1.319	1.407
EPS (VND)	1.438	1.579	1.923	2.270	2.421
Tăng trưởng EPS	57,8%	9,8%	21,8%	18,0%	6,6%
Nợ/VCSH (x)	0,11	0,13	0,11	0,16	0,16
Tỷ suất cổ tức (%)	4,7%	2,6%	3,0%	0,0%	3,1%
ROE	8,2%	8,0%	8,9%	9,2%	9,1%
P/E (x)	14,88	24,07	17,63	14,27	13,38
P/B (x)	0,83	1,42	1,19	1,12	1,07
EV/EBITDA	0,86	5,33	1,15	1,22	0,62

Nguồn: PVS, SSI Research

Nguyễn Hoàng Giang, CFA

Trưởng phòng Phân tích

giangnh@ssi.com.vn

Giá CP - VND (19/12/25)	32.300
Vốn hóa (USDmn):	626
SLCP lưu hành (triệu cp):	511
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	4,4
Giá cao/thấp 52T (k VND):	35,4/20
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	5,5
Tỷ lệ SHNN (%):	13,5
GTNN còn được mua (USDmn):	222,3
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	51,4

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Thành lập năm 1993, Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) được cổ phần hóa vào năm 2006. Trong năm 2007, PTSC được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã PVS. PVS có hoạt động kinh doanh phức tạp nhằm phát triển hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí. Sáu mảng kinh doanh của PVS bao gồm: (1) Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng; (2) FSO/FPST (Dịch vụ kho nổi chứa xử lý và xuất dầu thô); (3) EPC/EPCI (Dịch vụ cơ khí dầu khí); (4) Dịch vụ căn cứ cảng; (5) Dịch vụ vận hành, bảo dưỡng (O&M) và (6) Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV.

KQKD Q3/2025

Tỷ đồng	3Q25	3Q24	YoY	2Q25	QoQ	%hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q25	3Q24	2Q25	2024
Doanh thu thuần	9.630	4.820	100%	7.359	31%	102,2%				
Lợi nhuận gộp	323	334	-3%	441	-27%		3,4%	6,9%	6,0%	4,5%
Lợi nhuận hoạt động	412	189	118%	467	-12%		4,3%	3,9%	6,3%	3,2%
EBIT	397	226	76%	470	-16%		4,1%	4,7%	6,4%	6,8%
EBITDA	681	378	80%	631	8%		7,1%	7,8%	8,6%	9,3%
Lợi nhuận trước thuế	380	209	82%	453	-16%		3,9%	4,3%	6,2%	6,5%
Lợi nhuận ròng	334	193	73%	315	6%	121,7%	3,5%	4,0%	4,3%	5,3%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	324	135	140%	359	-10%		3,4%	2,8%	4,9%	4,5%

Nguồn: PVS, SSI Research

Trong Q3/2025, PVS ghi nhận tăng trưởng ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận, nhờ thu nhập tài chính mạnh mẽ bù đắp chi phí trích lập dự phòng cao, phù hợp với ước tính của chúng tôi. Cụ thể, doanh thu thuần tăng 100% svck và 31% so với quý trước. NPATMI tăng 140% svck. Lũy kế 9T2025, PVS đã hoàn thành 121% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm, tương đương 66% dự báo LNST 2025 của chúng tôi ở mức 1,4 nghìn tỷ đồng.

Tỷ đồng	Doanh thu		Lợi nhuận gộp		Biên lợi nhuận gộp
	Q3/2025	%YoY	Q3/2025	%YoY	
Dịch vụ tàu biển/tàu chuyên dụng	414	-27,24%	80	25%	19%
FSO FPSO	756	23%	41	-23%	5%
EPC, EPCI	6.484	239%	24	-50%	0%
Dịch vụ căn cứ cung ứng, cảng biển và logistics	557	58%	89	59%	16%
Vận hành và bảo dưỡng (O&M)	1.029	2%	34	-31%	3%
Khảo sát địa chấn, ROV (thiết bị lặn điều khiển từ xa)	175	0%	43	-305%	25%
Khác	190	-1%	12	6%	6%
Tổng	9.605	100%	323	-3%	3%

Nguồn: PVS, SSI Research

Phân tích theo từng mảng hoạt động:

- Mảng EPC/EPCI là động lực tăng trưởng doanh thu chính**, với doanh thu Q3/25 đạt 6,5 nghìn tỷ đồng, tăng 239% svck, chiếm 67% tổng doanh thu của PVS. Các dự án chính đóng góp cho mảng này bao gồm: các gói EPC thuộc Dự án Lô B (EPCI#1 đạt 33% tiến độ, EPCI#2 75%, SWEPC 28%), gói EPC Lạc Đà Vàng (54%), Hệ thống cấp nhiên liệu LTIA (67%). Ngoài ra, PVS cũng đã trúng thầu gói EPCI Sư tử Trắng – Giai đoạn 2B cho giàn xử lý trung tâm vào tháng 9. Trong mảng điện gió ngoài khơi, PVS đang triển khai các gói EPC hiện hữu gồm Baltica 02 (80%), Feng Miao (79%), Hải Long OSS (99%),... Đà tăng mạnh về khối lượng và doanh thu EPC/EPCI phù hợp với kỳ vọng và dự báo của chúng tôi, và dự kiến sẽ tiếp diễn sang năm 2026 khi các dự án trọng điểm như Lô B và Lạc Đà Vàng bước vào giai đoạn thi công cuối cùng. Tuy nhiên, về lợi nhuận gộp, mảng EPC/EPCI ghi nhận mức giảm 50% svck, chỉ đạt 25 tỷ đồng, do chi phí trích lập dự phòng lớn liên quan đến bảo hành công trình (+295 tỷ đồng trong Q3/2025) và dự phòng bảo dưỡng cho các FSO Biển Đông 01, Lam Sơn và Ruby II (+7 tỷ đồng trong Q3/2025).
- Mảng căn cứ cung ứng & cảng cũng ghi nhận tăng trưởng doanh thu tích cực**, đạt 557 tỷ đồng (+58% svck), nhờ mở rộng cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài, bên cạnh khách hàng nội bộ. Lợi nhuận gộp của mảng này tăng mạnh 59% svck, lên 89 tỷ đồng.
- Mảng FSO O&M ghi nhận doanh thu tăng 22% svck**. Hiện PVS đang cho thuê 6 FSO/FPSO, đồng thời cung cấp dịch vụ vận hành & bảo dưỡng (O&M) cho các FSO/FPSO này cũng như cho các khách hàng bên ngoài; do đó doanh thu theo quý phụ thuộc vào các hợp đồng O&M theo kỳ. Đáng chú ý, PVS (liên doanh với Yinson Production) đã ký hợp đồng cung cấp FSO cho Dự án Lô B, dự kiến đưa vào vận hành từ cuối năm 2027. Hợp đồng này sẽ mang lại cho PVS nguồn doanh thu cho thuê dài hạn, kéo dài trong suốt vòng đời mỏ khí (khoảng 25 năm).

Tổng lợi nhuận gộp Q3/2025 ghi nhận giảm nhẹ 3% svck, còn 323 tỷ đồng; tuy nhiên, nếu loại trừ các khoản trích lập dự phòng, lợi nhuận gộp đã tăng mạnh 42% svck, đạt 625 tỷ đồng.

Lãi tỷ giá và thu nhập lãi tiền gửi cũng đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh Q3/2025, trong bối cảnh PVS đang nắm giữ 256 triệu USD và 50 triệu EUR tiền mặt, cùng các khoản ngoại tệ khác. Khi USD và EUR lần lượt tăng 0,5% và 1,1% trong Q3/2025, PVS ghi nhận lãi tỷ giá thuần 130 tỷ đồng (so với lỗ tỷ giá 115 tỷ đồng trong Q3/2024), đồng thời thu nhập lãi đạt 92 tỷ đồng (tăng 40 tỷ đồng svck).

Theo đó, LNTT đạt 380 tỷ đồng (+82% svck) trong Q3/2025. Nếu loại trừ tác động của lãi/lỗ tỷ giá, LNTT Q3/2025 ước đạt 250 tỷ đồng, giảm 22% svck. Lũy kế 9T2025, LNTT đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (+42% svck); loại trừ yếu tố tỷ giá, LNTT ước đạt 729 tỷ đồng (-13% svck).

Triển vọng và ước tính năm 2025-2026

Lũy kế 9T2025, doanh thu và LNST hợp nhất của PVS lần lượt đạt 23 nghìn tỷ đồng (+63% svck) và 948 tỷ đồng (+34% svck). Kết quả 9T2025 nhìn chung phù hợp với dự báo và kỳ vọng của chúng tôi đối với các yếu tố cốt lõi, do đó chúng tôi chỉ điều chỉnh nhẹ các ước tính cho giai đoạn 2025-2026 so với báo cáo đầy đủ trước đó. Cụ thể, chúng tôi ước tính doanh thu năm 2025-2026 lần lượt đạt 29,8 nghìn tỷ đồng (+25,3% svck) và 32,0 nghìn tỷ đồng (+7,0% svck), nhờ đóng góp từ các dự án trọng điểm như EPC Lô B, EPC Lạc Đà Vàng, các dự án điện gió ngoài khơi, Sư Tử Trắng – Giai đoạn 2B,... khi các dự án này bước vào giai đoạn thi công cao điểm. LNST năm 2025-2026 được ước tính lần lượt đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+12% svck) và 1,5 nghìn tỷ đồng (+6,2% svck). Loại trừ tác động của lãi/lỗ tỷ giá, tăng trưởng lợi nhuận ước tính năm 2025-2026 lần lượt đạt -7% svck và +20% svck, phản ánh áp lực nền so sánh cao trong năm 2024 và sự cải thiện lợi nhuận cốt lõi từ năm 2026. Trên cơ sở đó, LNST Q4/2025 ước tính đạt khoảng 450 tỷ đồng (-18% svck), do trong Q4/2024, PVS ghi nhận khoản thu nhập khác lớn 573 tỷ đồng, chủ yếu đến từ xóa nợ phải trả và hoàn nhập dự phòng bảo hành dự án, tạo ra mức nền lợi nhuận cao bất thường.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	16.366	19.374	23.770	29.783	31.864
Tăng trưởng	15,3%	18,4%	22,7%	25,3%	7,0%
Biên lợi nhuận gộp	6,2%	5,4%	4,5%	4,7%	4,9%
NPATMI	989	1.026	1.070	1.319	1.407
EPS (VND)	1.438	1.579	1.923	2.270	2.421
Tăng trưởng EPS	57,8%	9,8%	21,8%	18,0%	6,6%
Ng/VCSH (x)	0,11	0,13	0,11	0,16	0,16
Tỷ suất cổ tức (%)	4,7%	2,6%	3,0%	0,0%	3,1%
ROE	8,2%	8,0%	8,9%	9,2%	9,1%
P/E (x)	14,88	24,07	17,63	14,27	13,38
P/B (x)	0,83	1,42	1,19	1,12	1,07
EV/EBITDA	0,86	5,33	1,15	1,22	0,62

Nguồn: SSI Research

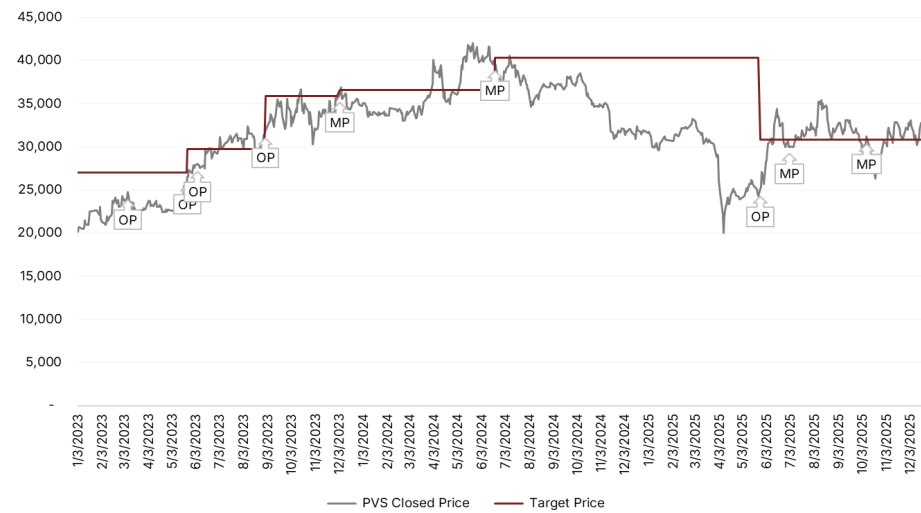
Luận điểm đầu tư

Ở mức giá hiện tại, PVS đang giao dịch tại P/E dự phóng 2025-2026 lần lượt là 14,3x và 13,4x, nằm trong vùng P/E bình quân lịch sử đã điều chỉnh là 9x–17x. P/B dự phóng năm 2025-2026 ở mức khoảng 1,1x, phản ánh mức định giá hợp lý so với nền tảng tài chính hiện tại.

Chúng tôi giữ nguyên giá mục tiêu 12 tháng ở mức 35.000 đồng/cổ phiếu, tương đương mức tăng tiềm năng tăng giá khoảng 8,4%, dựa trên phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF), đồng thời duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP như đã nêu trong báo cáo chiến lược năm 2026. Về chiến lược giao dịch, chúng tôi khuyến nghị tích lũy cổ phiếu khi giá điều chỉnh, đặc biệt quanh vùng giá trị tiền mặt ròng/cổ phiếu của PVS (~27.200 đồng/cổ phiếu), do đây là vùng có tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro khá hấp dẫn.

Yếu tố hỗ trợ tăng: Giá dầu cao hơn dự kiến và PVN triển khai sớm các dự án dầu khí quy mô lớn như Cá Voi Xanh...

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research. Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.757	11.422	12.456	13.901
+ Đầu tư ngắn hạn	4.329	3.886	3.886	3.886
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	4.185	6.244	7.754	8.296
+ Hàng tồn kho	1.470	1.830	2.551	2.723
+ Tài sản ngắn hạn khác	548	500	504	539
Tổng tài sản ngắn hạn	16.290	23.882	27.152	29.346
+ Các khoản phải thu dài hạn	123	97	225	241
+ GTCL Tài sản cố định	3.391	3.588	3.638	3.656
+ Bất động sản đầu tư	164	160	140	120
+ Tài sản dài hạn dở dang	373	430	487	496
+ Đầu tư dài hạn	4.945	4.730	4.730	4.730
+ Tài sản dài hạn khác	1.130	1.190	1.881	2.009
Tổng tài sản dài hạn	10.126	10.195	11.102	11.253
Tổng tài sản	26.416	34.077	38.253	40.598
+ Nợ ngắn hạn	9.060	13.938	15.709	16.765
Trong đó: vay ngắn hạn	1.176	869	1.391	1.484
+ Nợ dài hạn	3.812	5.399	6.396	6.699
Trong đó: vay dài hạn	564	790	1.153	1.231
Tổng nợ phải trả	12.872	19.337	22.105	23.464
+ Vốn góp	4.780	4.780	5.114	5.114
+ Thặng dư vốn cổ phần	40	40	40	40
+ Lợi nhuận chưa phân phối	4.048	4.082	4.908	5.635
+ Quỹ khác	4.677	5.838	5.928	6.018
Vốn chủ sở hữu	13.544	14.740	15.990	16.807
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	26.416	34.077	38.253	40.598
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-285	4.343	649	2.286
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	818	1.062	-500	-500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-32	198	885	-340
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	501	5.603	1.034	1.446
Tiền đầu kỳ	5.219	5.757	11.422	12.456
Tiền cuối kỳ	5.757	11.422	12.456	13.901
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,8	1,71	1,73	1,75
Hệ số thanh toán nhanh	1,58	1,55	1,53	1,56
Hệ số thanh toán tiền mặt	1,11	1,1	1,04	1,06
Nợ ròng / EBITDA	-2,13	-3,11	-6,05	-5,98
Khả năng thanh toán lãi vay	18,49	25,25	17,68	17,6
Ngày phải thu	68,3	60	65,3	70,6
Ngày phải trả	87,7	65,6	84,7	106,1
Ngày tồn kho	25,5	26,5	28,2	31,8
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,51	0,43	0,42	0,42
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,49	0,57	0,58	0,58
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,95	1,31	1,38	1,4
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,11	0,16	0,16
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,06	0,09	0,09

Nguồn: PVS, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	19.374	23.770	29.783	31.864
Giá vốn hàng bán	-18.335	-22.705	-28.386	-30.295
Lợi nhuận gộp	1.039	1.065	1.397	1.569
Doanh thu hoạt động tài chính	790	569	938	817
Chi phí tài chính	-216	-217	-102	-109
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-85	-95	-119	-128
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-967	-1.235	-1.638	-1.593
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.211	950	1.340	1.421
Thu nhập khác	66	603	357	382
Lợi nhuận trước thuế	1.277	1.553	1.698	1.803
Lợi nhuận ròng	1.060	1.255	1.409	1.497
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.026	1.070	1.319	1.407
Lợi ích của cổ đông thiểu số	34	185	90	90
EPS cơ bản (VND)	1.579	1.923	2.270	2.421
Giá trị sổ sách (VND)	26.852	28.388	28.801	30.222
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	800	800	0	1.000
EBIT	1.350	1.617	1.800	1.912
EBITDA	1.843	2.219	2.269	2.414
Tăng trưởng				
Doanh thu	18,4%	22,7%	25,3%	7,0%
EBITDA	2,5%	20,4%	2,3%	6,4%
EBIT	1,8%	19,8%	11,3%	6,2%
Lợi nhuận ròng	0,9%	18,4%	12,3%	6,2%
Vốn chủ sở hữu	3,7%	8,8%	8,5%	5,1%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	7,0%	0,0%
Tổng tài sản	1,9%	29,0%	12,3%	6,1%
Định giá				
P/E	24,1	17,6	14,3	13,4
P/B	1,4	1,2	1,1	1,1
Tỷ suất cổ tức	2,6%	3,0%	0,0%	3,1%
EV/EBITDA	0,8	0	0,7	4,1
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	5,4%	4,5%	4,7%	4,9%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	4,2%	3,2%	3,7%	3,2%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	5,5%	5,3%	4,7%	4,7%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,4%	0,4%	0,4%	0,4%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	5,0%	5,2%	5,5%	5,0%
ROE	8,0%	8,9%	9,2%	9,1%
ROA	4,1%	4,1%	3,9%	3,8%
ROIC	7,5%	8,2%	8,6%	8,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư		
Phạm Lưu Hưng		
Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư		
hungpl@ssi.com.vn		
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711		
Chiến lược thị trường	Phân tích Ngành Dầu khí	Dữ liệu
Đào Minh Châu	Nguyễn Hoàng Giang, CFA	Nguyễn Thị Anh Thư
Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư	Trưởng phòng Phân tích Cổ phiếu	Chuyên viên hỗ trợ
chaudm@ssi.com.vn	giangnh@ssi.com.vn	thunta2@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688	SĐT: (+84 – 24) 3936 6321	SĐT: (+84 – 24) 3936 6321